

Số: /SCT-QLTM

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

V/v báo cáo nhanh giá một số
mặt hàng thiết yếu ngày 05/7/2024

Kính gửi: Bộ Công Thương

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 1958/BCT-TTTN ngày 08/3/2011 về việc báo cáo hàng ngày về các mặt hàng thiết yếu; Công văn số 2373/BCT-TTTN ngày 01/4/2020 về việc báo cáo tình hình thị trường, giá cả hàng hóa thiết yếu trong tình hình dịch Covid-19.

Sở Công Thương báo cáo nhanh giá một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày 05/7/2024, như sau:

1. Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Biên Hòa (Chợ Biên Hòa)		Long Khánh (Chợ Long Khánh)		Long Thành (Chợ Long Thành)		Tân Phú (Chợ Phương Lâm)	
			Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7	Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7	Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7	Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7
1	Gạo dẻo thơm Long An	1.000đ/kg	19	-	20	0	19	0	20	0
2	Gạo thơm Lài	1.000đ/kg	19	-	20	0	19	0	19	0
3	Gạo ST 25	1.000đ/kg	26	-	26	0	28	0	27	0
4	Gạo nếp Sáp	1.000đ/kg	20	0	20	0	19	0	20	0
5	Gạo nếp Thái	1.000đ/kg	35	-	35	0	35	0	25	0
6	Thịt heo nạc	1.000đ/kg	120	0	90	0	110	0	100	0
7	Thịt heo đùi	1.000đ/kg	100	0	90	0	110	0	100	0
8	Thịt heo ba rọi	1.000đ/kg	145	0	120	0	120	0	140	0
9	Thịt bò philê	1.000đ/kg	320	-	280	0	300	0	280	0
10	Thịt bò bắp	1.000đ/kg	250	0	270	0	280	0	230	0
11	Thịt gà công nghiệp lông trắng	1.000đ/kg	60	-	55	0	45	0	60	0
12	Thịt gà (lông màu)	1.000đ/kg	80	0	70	0	65	0	-	0
13	Cá lóc	1.000đ/kg	80	-	65	0	60	0	70	0

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Biên Hòa (Chợ Biên Hòa)		Long Khánh (Chợ Long Khánh)		Long Thành (Chợ Long Thành)		Tân Phú (Chợ Phương Lâm)	
			Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7	Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7	Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7	Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7
	(loại 0,5kg/con)									
14	Cá diêu hồng	1.000đ/kg	70	-	60	0	60	0	65	0
15	Giò lụa	1.000đ/kg	-	-	100	0	200	0	150	0
16	Lạp xưởng Vissan (loại 1)	1.000đ/kg	220	-	200	0	240	0	-	-
17	Mực (loại phổ biến)	1.000đ/kg	250	0	250	0	165	0	200	0
18	Tôm (loại phổ biến)	1.000đ/kg	200	0	180	0	175	0	220	0
19	Bắp cải	1.000đ/kg	20	0	17	0	15	0	13	0
20	Khoai tây	1.000đ/kg	25	0	18	0	20	0	14	0
21	Cà rốt	1.000đ/kg	25	0	14	0	20	0	17	0
22	Bí xanh	1.000đ/kg	20	-	17	0	17	0	15	0
23	Bí đỏ	1.000đ/kg	-	0	16	0	20	0	17	+2
24	Đậu xanh (đã chà vỏ)	1.000đ/kg	45	-	48	0	35	0	35	0
25	Trứng gà công nghiệp (loại 1)	1.000đ/chục	30	-	25	0	35	0	30	+2
26	Trứng vịt (loại 1)	1.000đ/chục	36	0	35	0	36	0	32	+2
27	Sữa ông Thọ	1.000đ/hộp	24	0	25	0	24	0	24	0
28	Đường trắng RE Biên Hòa	1.000đ/kg	27	0	25	0	28	0	-	0
29	Nước mắm Chinsu 500ml	1.000đ/chai	45	0	40	0	43	0	40	0
30	Nước tương Chinsu chai 250ml	1.000đ/chai	17	0	12	0	12	0	15	0
31	Dầu ăn Tường An	1.000đ/lít	43	0	42	0	43	0	45	0
32	Bột ngọt Ajinomoto (450g)	1.000đ/bịch	35	0	33	0	32	0	35	0

2. Giá một số mặt hàng khác

TT	Mặt hàng		Đơn vị tính	Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7
1	Xăng dầu (Liên Bộ Tài chính – Bộ Công Thương)	Xăng E5RON92	đ/lít	22.461	+447
		Xăng RON95-III		23.552	+542
		Điêzen 0,05S		21.176	+487
2	Gas Sài Gòn Petro (12kg/bình) (http://saigonpetro.com.vn/)		đ/bình	445.500	0
3	Gas Petimex (12kg/bình)		đ/bình	440.000	0
4	Muối iot (Tập đoàn muối Ninh Thuận)		1.000đ/kg	6	0
5	Thóc (lúa) (TP Long Khánh, huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)		1.000đ/kg	8,5	0
6	Heo hơi (>80kg/con)	Giá heo hơi chuẩn do Công ty CP cung cấp	1.000đ/kg	66	0
		Giá heo hơi tại thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu do Đội QLTT số 2 cung cấp		66	0
		Giá heo hơi tại huyện Trảng Bom, huyện Thống Nhất do Đội QLTT số 3 cung cấp		68	0
		Giá heo hơi tại huyện Long Thành, Nhơn Trạch do Đội QLTT số 4 cung cấp		65	0
		Giá heo hơi tại thành phố Long Khánh, huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ do Đội QLTT số 5 cung cấp		64	-1
		Giá heo hơi tại huyện Tân Phú, huyện Định Quán do Đội QLTT số 6 cung cấp		67	0
7	Phân bón (50kg/bao) (Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)	Ure Phú Mỹ	1.000đ/bao	530	0
		NPK Đầu trâu		873	0
8	Xi măng (Thành phố Biên Hòa)	Hà Tiên I - 50 kg	1.000đ/bao	103	0
9	Thép (Biên Hoà, Vĩnh Cửu)	Thép (Ø 6 Việt Nhật)	1.000đ/kg	18,3	0
		Thép (Ø 6 Hòa Phát)		17,1	0
10	Thuốc bảo vệ thực vật	Thuốc trừ sâu (loại phổ biến) – Sherpa (huyện Tân Phú, Định Quán)	1.000đ/lọ	45	0
		Thuốc trừ cỏ (loại phổ biến) – SINATE cỏ cháy (huyện Tân Phú, Định Quán)		135	0
11	Thuốc thú y (Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ)	Vacxin LMLM – Aftogen Oleo 25 liều	Lọ/50ml/25 liều	458	0
		Vacxin cúm gia cầm – H5N1 200 liều	Lọ/100ml/200 liều	251	0
12	Thức ăn chăn nuôi (Thương hiệu Cargil loại 25kg/bao) (Trảng Bom, Thống Nhất)	Cám dành cho heo từ tập ăn đến 15kg	1.000đ/bao	475	0
		Cám dành cho heo từ 15 – 30 kg		340	0
		Cám dành cho heo từ 60 kg đến xuất chuồng		325	0
13	Khẩu trang y tế (thành phố Biên Hoà)	Hộp/50 cái (04 lớp)	1.000đ/hộp	40	0

3. Giá một số mặt hàng nông sản

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Ngày 05/7	Tăng, giảm so với ngày 04/7
1	Tiêu	1.000đ/kg	146	- 6
2	Cà phê	1.000đ/kg	-	-

4. Đánh giá

a. Giá cả một số mặt hàng thiết yếu ngày 05/7/2024 tại các chợ hạng 1 trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định. Chỉ riêng chợ Phương Lâm- huyện Tân Phú có sự thay đổi một số mặt hàng như: Bí đỏ tăng 2.000 đồng/kg (từ 15.000 đồng lên 17.000 đồng); trứng gà công nghiệp (loại 1) và trứng vịt (loại 1) đều tăng 2.000 đồng/chục với mức giá lần lượt là (từ 28.000 đồng lên 30.000 đồng) và (từ 30.000 đồng lên 32.000 đồng);

b. Giá tiêu trên địa bàn tỉnh ngày 05/7/2024 giảm 6.000 đồng/kg (từ 152.000 đồng xuống còn 146.000 đồng);

c. Theo số liệu do Cục Quản lý thị trường tỉnh cung cấp: Giá heo hơi tại thành phố Long Khánh, huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ giảm 1.000 đồng/kg (từ 65.000 đồng xuống 64.000 đồng);

d. Theo Công văn số 4662/BCT-TTTN ngày 04/7/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu, trong kỳ điều chỉnh giá xăng dầu kể từ 15 giờ 00 ngày 04/7/2024 (trong năm 2024, giá xăng tăng 17 lần, giảm 11 lần; giá dầu tăng 17 lần, giảm 13 lần). Theo đó sau thực hiện Quỹ Bình ổn giá xăng dầu: Không trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu và không chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu, giá bán tối đa của các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường (áp dụng đối với vùng I) không cao hơn mức giá:

- Xăng E5RON92: Không cao hơn 22.416 đồng/lít (tăng 447 đồng/lít).
- Xăng RON95-III: Không cao hơn 23.552 đồng/lít (tăng 542 đồng/lít).
- Dầu Diesel 0,05S: Không cao hơn 21.176 đồng/lít (tăng 487 đồng/lít).

Trên đây là báo cáo tình hình thị trường, giá cả một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày 05/7/2024, Sở Công Thương kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Giám đốc và Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, QLTM.

NS

**TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Văn Hữu Đồng